

11. Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

12. Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT VÀ ĐỀ XUẤT HƯỚNG XỬ LÝ

Bộ Giao thông vận tải đã tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật nói trên để đảm bảo các nội dung của Dự thảo Nghị định phù hợp, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Các nội dung rà soát cụ thể được nêu tại Phụ lục gửi kèm theo Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải./.

Bộ Giao thông vận tải báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Vụ: PC, VT, KHCN&MT;
- Cục HHVN;
- Lưu VT, KCHT(12).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang

PHỤ LỤC
RÀ SOÁT CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI

(Ban hành kèm theo văn bản số /BC-BGTVT ngày /4/2023)

Nội dung dự thảo Nghị định	VBQPPL được rà soát có liên quan
<p><i>Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;</i> <i>Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;</i> Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; <i>Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</i> <i>Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải.</i></p>	<p>Bổ sung căn cứ pháp lý vì hiện nay nhiều văn bản là căn cứ ban hành Nghị định số 82/2019/NĐ-CP đã được bổ sung sửa đổi, thay thế cho thống nhất: <i>Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;</i> <i>Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;</i> <i>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;</i></p>
<p>Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải và Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải (Viết tắt là Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và Nghị định số 69/2022/NĐ-CP)</p>	
<p>1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 5 và bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 39 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP như sau:</p>	
<p>a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 39 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP như sau: “2. Doanh nghiệp bảo đảm an toàn hàng hải có trách nhiệm thiết lập kịp thời báo hiệu hàng hải phục vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải, đồng thời báo cáo ngay cho Cục Hàng hải Việt Nam và Cảng vụ hàng hải khu vực. Báo hiệu</p>	

<p><i>hàng hải được thiết lập phục vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải không phải thực hiện thủ tục chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải theo Điều 40 và thủ tục đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng theo Điều 41 của Nghị định này mà chỉ thực hiện thủ tục công bố thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải”.</i></p>	
<p>b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 39 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP như sau: “5. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 Điều này trước khi tiến hành thiết lập báo hiệu hàng hải phải được sự chấp thuận của Cảng vụ hàng hải hoặc Cục Hàng hải Việt Nam về vị trí, quy mô, loại báo hiệu hàng hải theo quy định tại Điều 40 Nghị định này.”.</p>	<p>Sửa đổi khoản 5 Điều 39, bổ sung “<i>Cảng vụ Hàng hải</i>” cho phù hợp với nội dung sửa đổi tại Điều 40 theo phương án phân cấp được phê duyệt tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg, phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Cảng vụ Hàng hải. Tuy nhiên đối với báo hiệu ngoài vùng nước cảng biển hoặc hệ thống báo hiệu hàng hải nằm trong nhiều vùng nước cảng biển thuộc quản lý của các Cảng vụ hàng hải thì Cảng vụ phải lấy ý kiến của Cục Hàng hải Việt Nam để bảo đảm triển khai đồng bộ và đúng quy hoạch được phê duyệt.</p>
<p>c) Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 39 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP như sau: 5a. Đối với các báo hiệu hàng hải thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hàng hải thỏa thuận bằng văn bản hoặc phê duyệt trong phương án bảo đảm an toàn hàng hải thì không phải thực hiện thủ tục chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải theo điều 40 của Nghị định này”.</p>	<p>Bổ sung khoản 5a cho phù hợp với quy định sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tại điều 40, đồng thời giảm bớt thủ tục hành chính đối với các báo hiệu đã được các cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận hoặc phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải.</p>
<p>2. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 69/2022/NĐ-CP như sau:</p>	
<p>“Điều 40. Thủ tục chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải</p>	
<p>1. Hồ sơ thủ tục chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải, bao gồm:</p>	<p>Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Cảng vụ Hàng hải theo Mục A.2 Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022</p>
<p>a) Đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân theo Mẫu số 15 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p>	

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính thiết kế kỹ thuật của báo hiệu hàng hải;	
c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính sơ đồ, tọa độ vị trí thiết lập báo hiệu hàng hải.	
<p>2. Đối với báo hiệu hàng hải có vị trí thiết lập trong vùng nước cảng biển, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cảng vụ hàng hải.</p> <p>Cảng vụ hàng hải tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng hải hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng hải có văn bản chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Cảng vụ Hàng hải theo Mục A.2 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022
<p>3. Đối với báo hiệu hàng hải có vị trí thiết lập ngoài vùng nước cảng biển hoặc hệ thống báo hiệu hàng hải có vị trí thiết lập nằm đồng thời trong vùng nước cảng biển và ngoài vùng nước cảng biển hoặc hệ thống báo hiệu hàng hải có vị trí thiết lập nằm đồng thời trong nhiều vùng nước cảng biển thuộc quản lý của các Cảng vụ hàng hải, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Hàng hải Việt Nam.</p> <p>Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do."</p>	Bổ sung khoản 3 để đảm bảo triển khai đồng bộ với việc thực hiện thiết lập báo hiệu hàng hải và đúng quy hoạch; thống nhất với khoản 5 Điều 39.
<p>3. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 69/2022/NĐ-CP như sau:</p>	
<p>“Điều 41. Thủ tục đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng</p>	
<p>1. Hồ sơ đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng, bao gồm:</p>	Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Cảng vụ Hàng

	hải theo Mục A.5 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022
a) Văn bản đề nghị đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng theo Mẫu số 16 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;	
b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính biên bản nghiệm thu bàn giao;	
c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bình đồ khảo sát và rà quét chướng ngại vật luồng hàng hải đối với báo hiệu hàng hải trên các tuyến luồng hàng hải mới xây dựng do đơn vị có chức năng đo đạc, khảo sát thực hiện và cùng với chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ khảo sát;	
d) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính thông báo hàng hải về việc thiết lập mới báo hiệu hàng hải.	
2. Đối với báo hiệu hàng hải có vị trí thiết lập trong vùng nước cảng biển, Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng hải. Cảng vụ hàng hải tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng hải hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng hải có văn bản ra quyết định về việc đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Cảng vụ Hàng hải theo Mục A.5 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022
3. Đối với báo hiệu hàng hải có vị trí thiết lập ngoài vùng nước cảng biển hoặc hệ thống báo hiệu hàng hải có vị trí thiết lập nằm đồng thời trong vùng nước cảng biển và ngoài vùng nước cảng biển hoặc hệ thống báo hiệu hàng hải có vị trí thiết lập nằm đồng thời trong nhiều vùng nước cảng biển thuộc quản lý của các Cảng vụ hàng hải, Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Hàng hải Việt Nam.	Bổ sung khoản 3 để đảm bảo triển khai đồng bộ với việc thực hiện thiết lập báo hiệu hàng hải và đúng quy hoạch; thống nhất với khoản 5 Điều 39.

<p>Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản ra quyết định về việc đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”</p>	
<p>4. Sửa đổi, bổ sung Điểm a khoản 2 Điều 99 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP như sau: “a) Giấy tờ phải nộp (bản chính), mỗi loại 01 bản, bao gồm (các mẫu văn bản được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): Bản khai chung (đối với phương tiện thủy nội địa) theo Mẫu số 59, <i>Danh sách thuyền viên (đối với phương tiện thủy nội địa) theo Mẫu số 60</i>, Danh sách hành khách (đối với phương tiện chở khách) theo Mẫu số 61, Giấy phép rời cảng;”</p>	<p>Sửa đổi bổ sung điểm a khoản 2 Điều 99 vì thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa cần có bản khai danh sách thuyền viên. Mẫu danh sách thuyền viên đã được quy định tại Mẫu số 60 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP nhưng tại quy định cụ thể hồ sơ lại thiếu quy định dẫn chiếu cho Biểu mẫu số 60.</p>
<p>5. Bổ sung điểm a1 vào sau điểm a khoản 2 Điều 100 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP như sau: “a1. <i>Danh sách thuyền viên (nếu có thay đổi) theo Mẫu số 60;</i>”</p>	<p>Sửa đổi bổ sung điểm a1 vào sau điểm a khoản 2 Điều 100 vì thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa cần có bản khai danh sách thuyền viên. Mẫu danh sách thuyền viên đã được quy định tại Mẫu số 60 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP nhưng tại quy định cụ thể hồ sơ lại thiếu quy định dẫn chiếu cho Biểu mẫu số 60.</p>
<p>6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 110 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP như sau:</p>	
<p>“3. <i>Trước khi cấp phép nuôi trồng thủy sản trong vùng nước cảng biển, cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo pháp luật về thủy sản phải lấy ý kiến của Cảng vụ hàng hải khu vực</i>”</p>	<p>Theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cảng vụ hàng hải về Chủ tịch UBND cấp huyện theo Mục A.1 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022. Tuy nhiên, theo pháp luật về thủy sản (Luật Thủy sản năm 2017 và các văn bản hướng dẫn), việc phân cấp thẩm quyền cấp phép cho tổ chức, cá nhân thực hiện đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển theo pháp luật về hàng hải (đang dự kiến phân cấp cho</p>

	<p>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) với tổ chức, cá nhân khai thác, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản trong vùng biển Việt Nam theo pháp luật thủy sản (đang thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với hoạt động khai thác thủy sản và cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh với hoạt động nuôi trồng thủy sản). Bên cạnh đó, theo quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018, nghề đăng, đáy là một trong các nghề, ngư cụ cấm sử dụng, khai thác thủy sản trong phạm vi vùng ven bờ, vùng nội địa. Do đó, dự thảo Nghị định chỉnh sửa khoản 3 để bảo đảm tính đồng nhất về thẩm quyền cấp phép cho tổ chức, cá nhân có hoạt động đánh bắt, nuôi trồng thủy sản trên các khu vực biển nói chung và tại vùng nước cảng biển nói riêng. Đồng thời, trong lĩnh vực hàng hải bãi bỏ thủ tục hành chính “Chấp thuận cấm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển”.</p>
<p>7. Thay thế các mẫu số: 42, 43, 44, 47, 48, 57 và 58 của Nghị định số 58/NĐ-CP bằng các mẫu số: 42, 43, 44, 47, 48, 57 và 58 tại Mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</p>	<p>Theo quy định của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, thủ tục hành chính giải quyết tàu thuyền vào rời cảng biển, quy trình và biểu mẫu thực hiện thủ tục cho phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB thực hiện như đối với tàu biển. Tuy nhiên, các biểu mẫu khai thực hiện hồ sơ đối với phương tiện mang cấp VR-SB có nhiều thông số khác so với tàu biển (ví dụ số đăng ký hành chính, số đăng ký phương tiện ...). Vì vậy, cần sửa đổi các biểu mẫu khai cho phù hợp với thông tin khai báo cho tàu biển và phương tiện thủy mang cấp VR-SB.</p>
<p>Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn (Viết tắt là Nghị định số 38/2017/NĐ-CP)</p>	

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22 Nghị định số 38/2017/NĐ-CP như sau:	
“3. Thủ tục công bố tạm dừng hoạt động, đóng cảng cạn	
a) Tổ chức, cá nhân đề nghị tạm dừng hoạt động hoặc đóng cảng cạn gửi trực tiếp hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đến Cục Hàng hải Việt Nam . Hồ sơ gồm Tờ khai dừng hoạt động, đóng cảng cạn theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;	Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.8 – Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022
b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản quyết định công bố đóng cảng cạn theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.”	Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.8 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022
2. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Nghị định số 38/2017/NĐ-CP như sau:	
“Điều 24. Thủ tục đổi tên cảng cạn	
1. Chủ đầu tư hoặc người quản lý khai thác cảng cạn gửi trực tiếp đến Cục Hàng hải Việt Nam 01 Tờ khai theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này kèm theo bản sao Quyết định công bố mở cảng cạn.	Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.7 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022
2. Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc tên cảng cạn chưa phù hợp thì thông báo cho chủ đầu tư hoặc người khai thác cảng cạn để hoàn thiện hồ sơ cho phù hợp.	Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.7 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022
3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng hải Việt Nam ra quyết định đổi tên cảng cạn; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.”	Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.7 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022
“3. Thay thế Mẫu số 04, Mẫu số 05 và Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 38/2017/NĐ-CP bằng Mẫu số 04, Mẫu số 05 và Mẫu số 06 tại Mục 2 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”.	Sửa đổi, bổ sung mẫu cho thống nhất với nội dung sửa phân cấp quy định tại Điều này.
Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 03 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải và Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Chính	

<p>phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022 (Viết tắt là Nghị định số 29/2017/NĐ-CP và Nghị định số 69/2022/NĐ-CP)</p>	
<p>1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 6 Điều 3 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP như sau:</p>	
<p>a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau: “4. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận) là văn bản do Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam cấp cho cơ sở đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải.”</p>	<p>Sửa đổi thẩm quyền cho thống nhất với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều 7 và Điều 8 dự thảo Nghị định</p>
<p>b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau: “6. Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải (sau đây viết tắt là Giấy xác nhận) là văn bản do Chi cục trưởng Chi cục Hàng hải Việt Nam cấp cho tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải để xác nhận sự phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải theo quy định của Công ước MLC”</p>	<p>Sửa đổi thẩm quyền cho thống nhất với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều 13 dự thảo Nghị định.</p>
<p>2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP như sau:</p>	
<p>“Điều 7. Cấp Giấy chứng nhận</p>	
<p>1. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Nghị định này.</p>	<p>- Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.3 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022</p>
<p>2. Cơ sở đào tạo, huấn luyện gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Hàng hải Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung quy định “<i>hoặc qua hệ thống bưu chính</i>” để thống nhất với các Điều khoản trong Nghị định và thực tiễn. - Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.3 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022</p>
<p>a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p>	

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính hoặc bản gốc để đối chiếu Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở đào tạo, huấn luyện;	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 về công tác văn thư.
c) Bản gốc Báo cáo thuyết minh các điều kiện bảo đảm cho hoạt động đào tạo, huấn luyện theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.	Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 về công tác văn thư.
3. Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản hướng dẫn cơ sở đào tạo, huấn luyện hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức kiểm tra thực tế và cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”.	Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.3 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022
3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP như sau:	
“2. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Hàng hải Việt Nam văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó nêu rõ lý do cấp lại kèm theo các tài liệu chứng minh sự thay đổi thông tin về cơ sở đào tạo (nếu có). Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cục Hàng hải Việt Nam cấp lại Giấy chứng nhận; trường hợp không cấp lại phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	- Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.3 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022
3. Khi cấp lại Giấy chứng nhận, Cục Hàng hải Việt Nam phải ghi rõ trong Giấy chứng nhận mới về việc thay thế Giấy chứng nhận cũ và phải thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hàng hải Việt Nam ”.	Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.3 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022
4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP như sau:	
“2. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam ra quyết định đình chỉ hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải. Quyết định đình chỉ hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải phải xác định rõ lý do đình chỉ, thời hạn đình chỉ, biện pháp bảo đảm quyền lợi nhà giáo, người học và người lao động	Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định

trong cơ sở đào tạo, huấn luyện và phải thông báo trên Công thông tin điện tử của Cục Hàng hải Việt Nam .	
3. Sau thời hạn đình chỉ, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam ra quyết định cho phép cơ sở đào tạo, huấn luyện tiếp tục hoạt động đào tạo, huấn luyện.”	Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định
5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP như sau:	
“2. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận và thông báo trên Công thông tin điện tử của Cục Hàng hải Việt Nam , đồng thời gửi đến các cơ quan liên quan biết, để phối hợp quản lý.	Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định
3. Cơ sở, đào tạo huấn luyện phải chấm dứt ngay hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam ”.	Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định
6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP như sau:	
“Điều 11. Đánh giá cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải	
1. Hàng năm, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức đánh giá các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải về việc đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật.	Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định
2. Định kỳ 05 năm một lần, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức đánh giá độc lập các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải theo tiêu chuẩn quy định của Công ước STCW”.	Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định
7. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 3 Nghị định số 69/2022/NĐ-CP như sau:	
“Điều 13. Thủ tục cấp Giấy xác nhận	
1. Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Chi cục Hàng hải Việt Nam 01 bộ hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:	Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Chi cục Hàng hải theo Mục A.4 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022

a) Tờ khai theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;	
b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy phép đưa thuyền viên đi làm việc ở nước ngoài hoặc giấy phép cho thuê hoặc cho thuê lại thuyền viên làm việc trên tàu biển dưới hình thức cho thuê, cho thuê lại lao động hoặc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;	
c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận phù hợp hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 và Quy định 1.4 của Công ước MLC về dịch vụ tuyển dụng và cung ứng thuyền viên.	
2. Chi cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Hàng hải Việt Nam có văn bản thông báo và hướng dẫn tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Hàng hải Việt Nam phải cấp Giấy xác nhận theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Chi cục Hàng hải theo Mục A.4 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022
3. Chi cục Hàng hải Việt Nam thông báo thông tin về tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải được cấp Giấy xác nhận trên Cổng thông tin điện tử của Chi cục Hàng hải Việt Nam ”.	Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Chi cục Hàng hải theo Mục A.4 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022
8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 3 Nghị định số 69/2022/NĐ-CP như sau:	
“2. Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Chi cục Hàng hải Việt Nam 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy xác nhận. Hồ sơ bao gồm:	Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Chi cục Hàng hải theo Mục A.4 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022

a) Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy xác nhận theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;	
b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp thay đổi thông tin về doanh nghiệp);	
c) Bản chính Giấy xác nhận (đối với trường hợp Giấy xác nhận hết thời hạn sử dụng, bị hư hỏng). Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Chi cục Hàng hải Việt Nam cấp lại Giấy xác nhận và trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải; trường hợp không chấp thuận, Chi cục Hàng hải Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Chi cục Hàng hải theo Mục A.4 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022
3. Khi cấp lại Giấy xác nhận, Chi cục Hàng hải Việt Nam phải ghi rõ trong Giấy xác nhận mới về việc thay thế Giấy xác nhận cũ và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Chi cục Hàng hải Việt Nam ”.	Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Chi cục Hàng hải theo Mục A.4 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022
9. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP như sau:	
“2. Chi Cục trưởng Chi cục Hàng hải Việt Nam quyết định thu hồi Giấy xác nhận và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Chi cục Hàng hải Việt Nam , đồng thời gửi đến các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện quản lý.”.	Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Chi cục Hàng hải theo Mục A.4 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022
10. Thay thế Mẫu số 03, Mẫu số 04 và Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 29/2017/NĐ-CP bằng Mẫu số 03, Mẫu số 04 và Mẫu số 05 tại Mục 3 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với khoản 6 khoản 7 Điều 3 Nghị định
Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng (Viết tắt là Nghị định số 82/2019/NĐ-CP)	
1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 4 Điều 7 Nghị định số 82/2019/NĐ-CP như sau:	

<p>a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 Nghị định số 82/2019/NĐ-CP như sau: “2. Có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường đối với cơ sở phá dỡ tàu biển theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường theo quy định.”</p>	<p>Sửa đổi khoản 2 vì Nghị định số 40/2019/NĐ-CP đã bị bãi bỏ bởi Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</p>
<p>b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7 Nghị định số 82/2019/NĐ-CP như sau: “4. Có đủ điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy, phương án chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.”</p>	<p>Sửa đổi khoản 4 vì Nghị định số 79/2014/NĐ-CP đã bị bãi bỏ bởi Nghị định số 136/2020/NĐ-CP</p>
<p>2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 Nghị định số 82/2019/NĐ-CP như sau:</p>	
<p>Điều 8. Thẩm quyền quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động</p>	
<p>“Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động”.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với nội dung quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định.</p>
<p>3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 82/2019/NĐ-CP như sau:</p>	
<p>“2. Hồ sơ đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động, gồm:</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 cho phù hợp với Luật BVMT năm 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP</p>
<p>a) Văn bản đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản);</p>	
<p>b) Giấy phép môi trường của chủ cơ sở phá dỡ tàu biển được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);</p>	
<p>c) Quy trình kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng (01 bản);</p>	
<p>d) Văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu).</p>	

“3. Trình tự tiếp nhận, xử lý hồ sơ:	
a) Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn chủ cơ sở phá dỡ tàu biển hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.	
<i>b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng hải Việt Nam quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Trong quá trình xử lý hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam được tiến hành các hoạt động: khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về cơ sở vật chất của cơ sở phá dỡ tàu biển”.</i>	Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.9 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022
4. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 82/2019/NĐ-CP như sau:	
“Điều 11. Quyết định dừng ngay hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển	
1. <i>Cục Hàng hải Việt Nam</i> quyết định dừng ngay hoạt động của cơ sở trong trường hợp cơ sở phá dỡ tàu biển để xảy ra tai nạn, sự cố gây hậu quả nghiêm trọng đối với con người, môi trường trên cơ sở đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với nội dung khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định
2. Căn cứ đề xuất, kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, <i>Cục Hàng hải Việt Nam</i> xem xét, quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển.	Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với nội dung khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định
3. <i>Cục Hàng hải Việt Nam</i> thông báo cho các cơ quan liên quan biết và công bố quyết định dừng ngay hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển <i>trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hàng hải Việt Nam.</i> ”	Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với nội dung khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định
5. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 82/2019/NĐ-CP như sau:	
“Điều 12. Quyết định dừng hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển	
1. <i>Cục Hàng hải Việt Nam</i> quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển trong các trường hợp sau trên cơ sở đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:	Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với nội dung khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định
a) Cơ sở phá dỡ tàu biển không đáp ứng điều kiện hoạt động quy định tại Điều 7 của Nghị định này;	
b) Vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh;	

c) Khi có dịch bệnh, thiên tai, thảm họa và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	
2. Căn cứ đề xuất, kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển; trường hợp không dừng hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng, Cục Hàng hải Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với nội dung khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định
3. Cục Hàng hải Việt Nam thông báo cho các cơ quan liên quan biết và công bố quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hàng hải Việt Nam ”.	
6. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 2 Điều 16 Nghị định số 82/2019/NĐ-CP:	
“ d. Đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường đối với tàu biển đã qua sử dụng được nhập khẩu để phá dỡ theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường ”.	Bổ sung điểm d cho phù hợp với Luật BVMT năm 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP
“ 7. Thay thế Mẫu số 01, 02 và 03 tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 82/2019/NĐ-CP bằng Mẫu số 01, 02 và 03 tại Mục 4 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này ”.	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định
Điều 5. Điều khoản thi hành	
1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày... tháng ... năm 202... 2. Điều khoản chuyển tiếp a) Các văn bản chấp thuận, Quyết định, Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc cấp phép trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện hoạt động cho đến khi hết thời hạn đã được chấp thuận hoặc cấp phép. Hết thời hạn chấp thuận hoặc cấp phép, các tổ chức, cá nhân phải thực hiện đầy đủ các quy định để được chấp thuận hoặc cấp phép theo quy định tại Nghị định này; b) Đối với các hồ sơ xin cấp các văn bản chấp thuận, Quyết định, Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện việc chấp thuận, cấp phép	Sửa đổi Điều 5 thành “ Điều khoản thi hành ”; trong đó xây dựng các khoản trong các Điều này lần lượt quy định về Ngày có hiệu lực của văn bản (khoản 1); quy định chuyển tiếp (khoản 2) và trách nhiệm thi hành (khoản 3) để nội dung được ngắn gọn và phù hợp với Mẫu số 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ;

c) Tổ chức đã được cấp các văn bản chấp thuận, Quyết định, Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận thuộc trường hợp bị thu hồi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền cấp các văn bản chấp thuận, Quyết định, Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận thực hiện thu hồi theo quy định của pháp luật tại thời điểm thu hồi.

3. Nghị định này bãi bỏ:

a) Điều 3, khoản 6 và khoản 7 Điều 4 Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

b) Điều 18 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 03 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.